**Mẫu số 02**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**BÁO CÁO**

**Tình hình sử dụng các chất được kiểm soát**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số …/2022/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) báo cáo tình hình sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal trong thời gian từ ngày …. tháng …. năm .... đến ngày …. tháng …. năm …. với các thông tin cụ thể như sau:

**1. Thông tin chung** (chỉ bổ sung thông tin thay đổi hoặc điều chỉnh so với thông tin đăng ký)

a) Thông tin về tổ chức báo cáo

- Tên đầy đủ của tổ chức: …

- Mã số doanh nghiệp:

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …

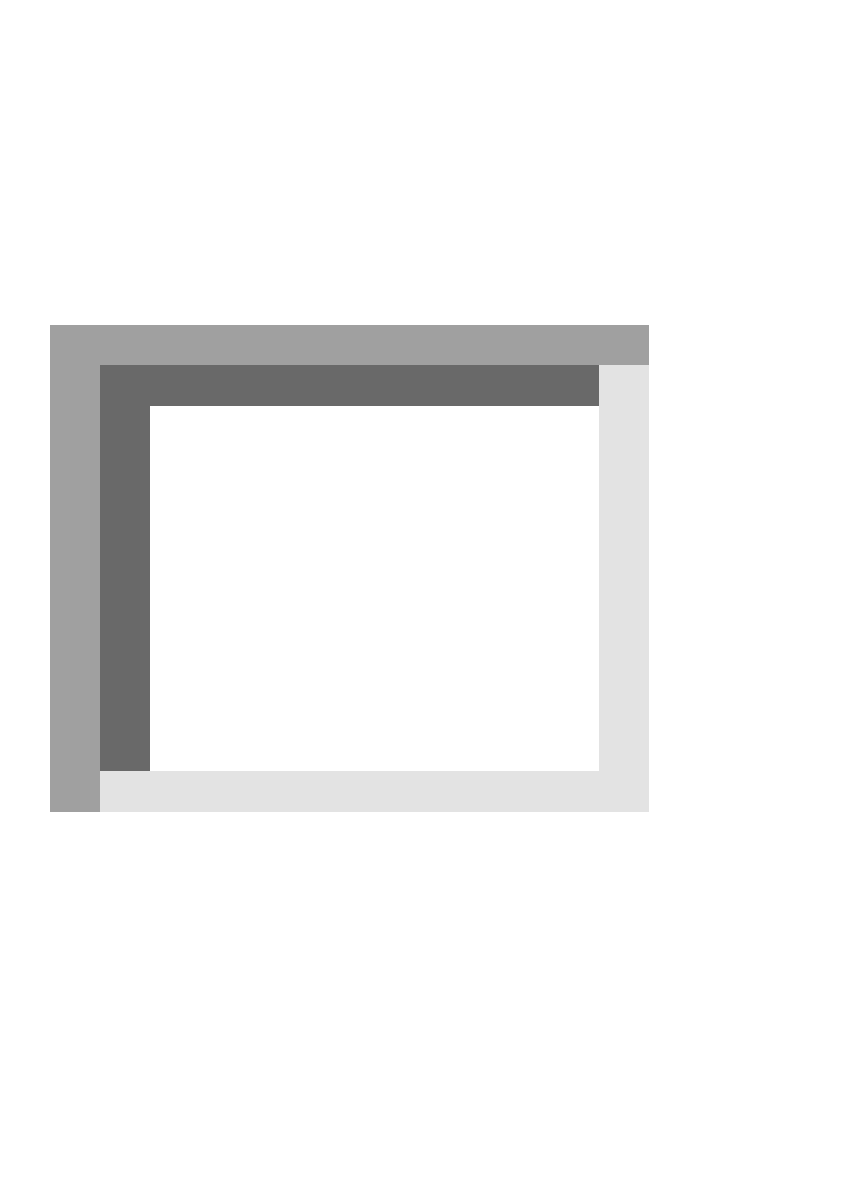
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …

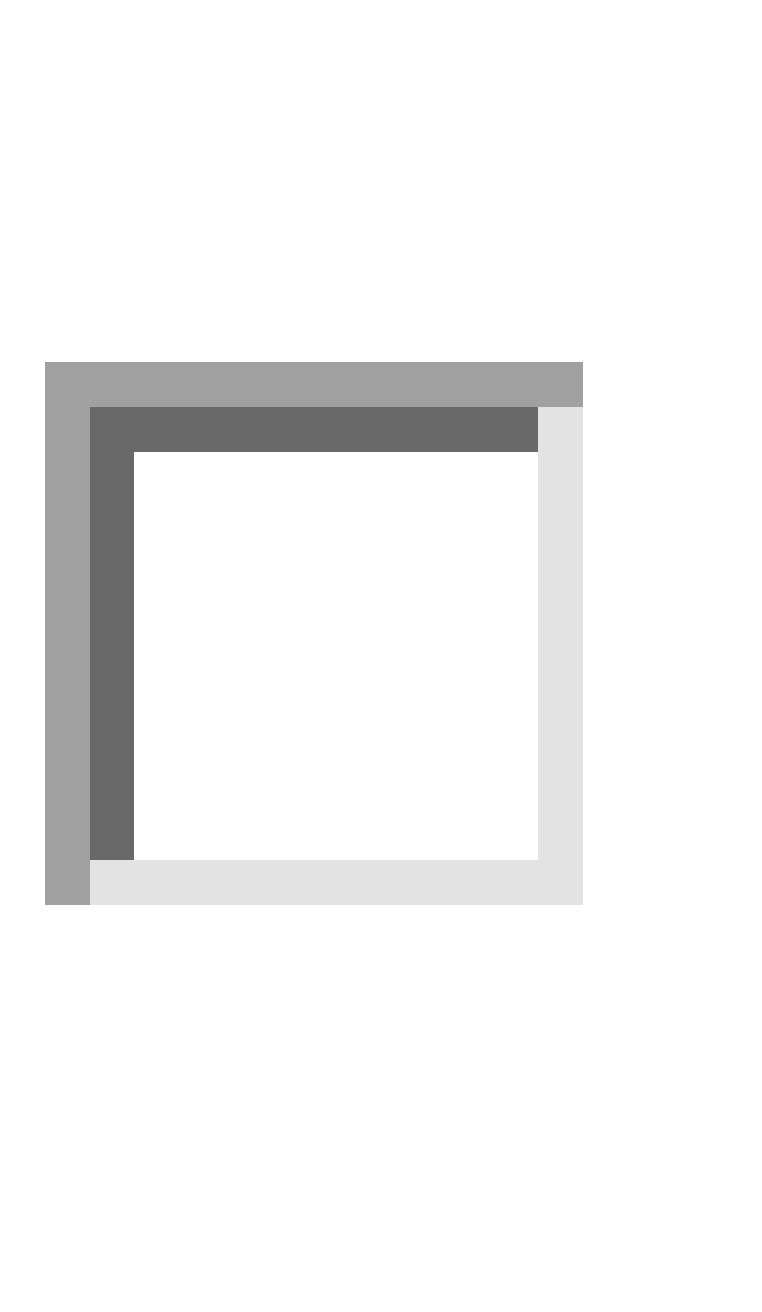
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …

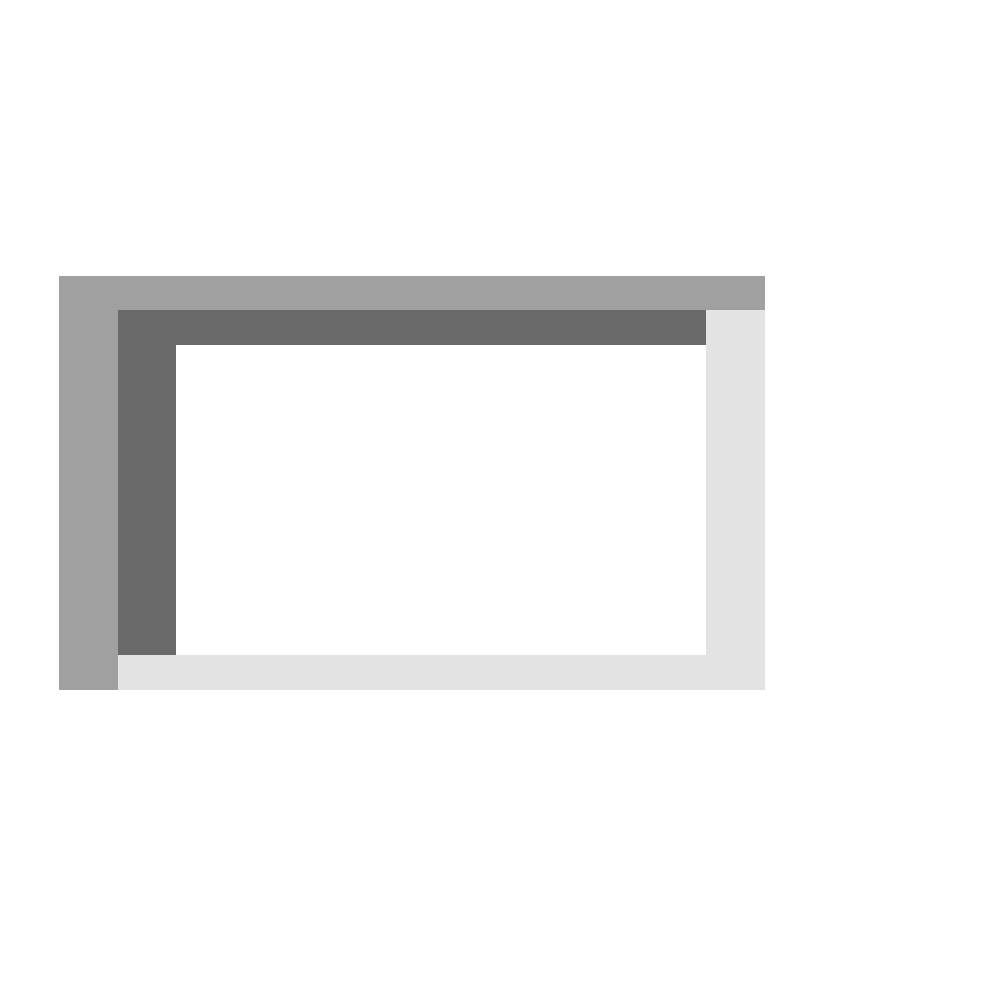
- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …

- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

b) Thông tin về lĩnh vực hoạt động sử dụng chất được kiểm soát

 Sản xuất chất được kiểm soát;

 Nhập khẩu chất được kiểm soát;

 Xuất khẩu chất được kiểm soát;

Shape

Description automatically generated Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;

Shape

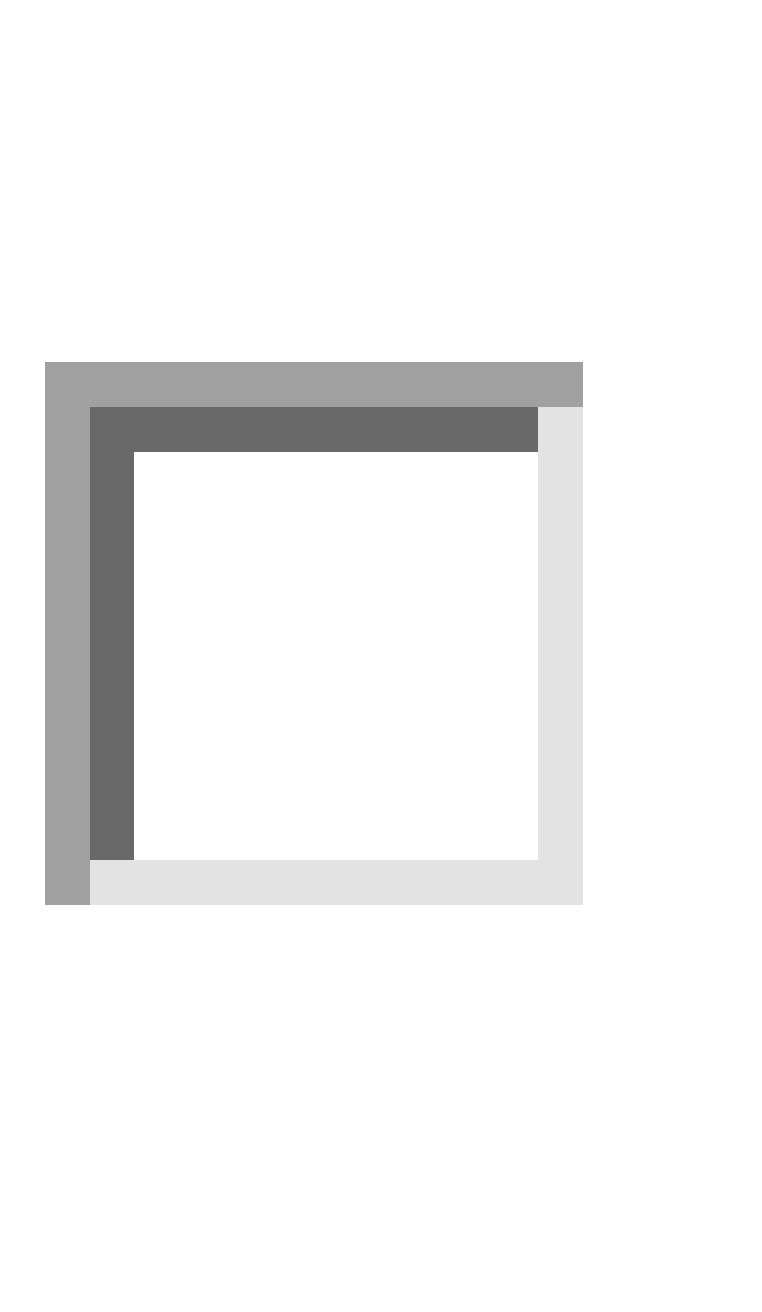
Description automatically generated Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;

Shape

Description automatically generatedSở hữu máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định lớn hơn 26,5 kW (90.000 BTU/h) và có tổng năng suất lạnh danh định của các thiết bị lớn hơn 586kW (2.000.000 BTU/h);

Shape

Description automatically generated Sở hữu thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện lớn hơn 40 kW;

 Thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.

**2. Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát trong năm …**

Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động sử dụng chất được kiểm soát đã đăng ký, tổ chức báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát theo các thông tin chi tiết tại Bảng kèm theo.

**3. Tài liệu kèm theo báo cáo** (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

Đối với tổ chức sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu chất được kiểm soát, gửi kèm Thông báo phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và Tờ khai hải quan cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát trong năm báo cáo.

Đối với tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát, đề nghị ghi chú “Thiết bị đăng ký mới” nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký.

**4. Cam kết**

(Tên tổ chức) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong báo cáo này và tài liệu kèm theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *(Địa danh), ngày… tháng … năm …*  **TỔ CHỨC BÁO CÁO**  *(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh*  *và đóng dấu nếu có)* |

**Bảng 2.1: Báo cáo về tình hình sử dụng hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát   
(dành cho tổ chức sản xuất chất, nhập khẩu và xuất khẩu chất được kiểm soát)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông tin về chất được kiểm soát** | | **Hạn ngạch được phân bổ trong năm báo cáo***…* | | **Hạn ngạch được điều chỉnh, bổ sung trong năm báo cáo**… | | **Tổng lượng hạn ngạch sử dụng đến**  **hết 31 tháng 12 của năm báo cáo**…**\*** | | | | | **Đăng ký hạn ngạch của năm sau năm báo cáo**\*\* | |
| **Tên chất** | **Mã HS** | **Lượng**  **(kg)** | **Lượng**  **(tấn CO2tđ)** | **Lượng**  **(kg)** | **Lượng**  **(tấn CO2tđ)** | **Lượng**  **(kg)** | **Lượng**  **(tấn CO2tđ)** | **Giá trung bình** | **Nơi XK, NK** | **Số hiệu tờ khai HQ** | **Lượng**  **(kg)** | **Lượng**  **(tấn CO2tđ)** |
| 1. | Sản xuất chất được kiểm soát | | | | | | | | | | | | |
|  | HCFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | HFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | … | … | … | … | … | … |  |  |  | … | … |
| 2. | Nhập khẩu chất được kiểm soát | | | | | | | | | | | | |
|  | HCFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | HFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | HCFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | … | … | … | … | |  |  | | --- | --- | | … | … | | … |  |  |  | |  |  | | --- | --- | | … | … | | … |
| 3. | Xuất khẩu chất được kiểm soát | | | | | | | | | | | | |
|  | HCFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | HFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | … | … | … | … | |  |  | | --- | --- | | … | … | | … |  |  |  | |  |  | | --- | --- | | … | … | | … |

(\*) Báo cáo kèm theo Thông báo phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và Tờ khai hải quan cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát trong năm báo cáo.

(\*\*) Thông tin đăng ký là cơ sở để xem xét, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu theo tên chất và khối lượng (kg).

**Bảng 2.2: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát   
(dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm …** | | | | | | |
| **Loại sản phẩm/ thiết bị (Số hiệu, hãng SX)** | **Mã HS** | **Năng suất lạnh/**  **Công suất điện** | **Số lượng**  **sản xuất,**  **nhập khẩu** | **Tên chất được kiểm soát có chứa hoặc được dùng để sản xuất ra sản phẩm, thiết bị** | **Lượng chất có chứa trong 01 đơn vị**  **sản phẩm** | **Ghi chú** |
| 1. | Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát | | | | | | |
|  | Điều hòa không khí |  |  |  | HCFC... |  |  |
|  | … |  |  |  | HFC... |  |  |
|  | Tủ lạnh |  |  |  | HCFC... |  |  |
|  | … |  |  |  | HFC... |  |  |
| 2. | Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát | | | | | | |
|  | Điều hòa không khí |  |  |  | HCFC... |  |  |
|  | … |  |  |  | HFC... |  |  |
|  | Tủ lạnh |  |  |  | HCFC... |  |  |
|  | … |  |  |  | HFC... |  |  |

(\*) Cung cấp thông tin về sản phẩm, thiết bị có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát của năm báo cáo.

**Bảng 2.3:** **Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát   
(dành cho tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát** | | | | | **Thông tin về hoạt động nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị của năm …** | | **Ghi chú** |
| **Loại thiết bị (số hiệu, hãng sản xuất)** | **Số lượng thiết bị** | **Chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị** | **Năng suất lạnh/**  **Công suất điện** | **Năm bắt đầu sử dụng** | **Tần suất nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị (lần/năm)** | **Lượng chất được nạp vào thiết bị/lần** |
| 1. | Máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định lớn hơn 26,5 kW (90.000 BTU/h) và có tổng năng suất lạnh danh định của các thiết bị lớn hơn 586 kW (2.000.000 BTU/h) | | | | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. | Thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện lớn hơn 40 kW | | | | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(\*) Đề nghị ghi chú rõ “Thiết bị đăng ký mới” nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký.

**Bảng 2.4: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát   
(dành cho tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chất** | **Thông tin về chất được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm …** | | | | | | | | | | | **Thông tin khác** |
| **Thu gom** | | | **Tái sử dụng** | | **Tái chế** | | | **Tiêu hủy** | | |
| **Khối lượng (kg)** | **Địa điểm thu gom** | **Địa điểm lưu giữ sau thu gom** | **Khối lượng (kg)** | **Công nghệ, địa điểm cơ sở tái sử dụng** | **Khối lượng (kg)** | **Công nghệ, cơ sở thực hiện tái chế** | **Địa điểm sử dụng sau tái chế** | **Khối lượng**  **(kg)** | **Công nghệ xử lý** | **Cơ sở xử lý** |
|  | HCFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | HFC... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(\*) Trong phạm vi Nghị định, hoạt động xử lý các chất được kiểm soát là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để tiêu hủy các chất được kiểm soát không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khoẻ con người.